

Số: **528**/TB-ĐHNLBG-HĐT

Bắc Giang, ngày **21** tháng 5 năm 2019

THÔNG BÁO LỊCH THI VÀ DANH SÁCH PHÒNG THI
KỲ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ B1
(Ngày thi: 25 và 26 tháng 5 năm 2019)

I. LỊCH THI

Ngày	Buổi	Môn Thi	Phòng thi	Địa điểm	Thời gian Làm bài	Thời gian thí sinh có mặt
Thứ 7 25/5/2019	Sáng	Tiếng Anh tương đương cấp độ B1 (Đọc, Viết; Nghe, hiểu)	TA01	Phòng 201 - Nhà B5	- Đọc, Viết: 90 phút - Nghe, hiểu: 35 phút	6h30'
			TA02	Phòng 204 - Nhà B5		
			TA03	Phòng 206 - Nhà B5		
			TA04	Phòng 207 - Nhà B5		
	Chiều	Tiếng Anh tương đương cấp độ B1 (Hội thoại)		1. Phòng thí sinh chuẩn bị: Phòng 201 - Nhà B5 2. Phòng vấn đáp: Phòng 206, phòng 207 - Nhà B5	- Thời gian chuẩn bị: 5 - 7 phút - Thời gian hội thoại: 10 - 12 phút	13h30'
Chủ nhật 26/5/2019	Sáng	Tiếng Anh tương đương cấp độ B1 (Hội thoại)		1. Phòng thí sinh chuẩn bị: Phòng 201 - Nhà B5 2. Phòng vấn đáp: Phòng 206, phòng 207 - Nhà B5	- Thời gian chuẩn bị: 5 - 7 phút - Thời gian hội thoại: 10 - 12 phút	6h30'

II. KẾ HOẠCH CHI TIẾT

TT		THỜI GIAN		CHỦ TRÌ
		Sáng	Chiều	
1	Họp HĐT phân công nhiệm vụ	6h30' – 6h40'	13h30' – 13h35'	Chủ tịch HĐ
2	Sinh hoạt quy chế/ nội qui phòng thi.	6h40' – 6h45'	13h35' – 13h40'	Chủ tịch HĐ
3	- Đánh số báo danh, - Gọi thí sinh vào phòng thi, kiểm tra Phiếu dự kiểm tra, đính chính thông tin sai sót của thí sinh trên phiếu dự thi. - Hướng dẫn thí sinh ghi các thông tin trên giấy thi và Phiếu trả lời	6h45' – 7h15'	13h40' – 13h50'	Cán bộ coi thi 1
4	Nhận đề kiểm tra tại phòng Hội đồng	7h15' – 7h20'	13h50' – 13h55'	Cán bộ coi thi 1
5	Bóc, phát đề thi	7h20' – 7h30'	13h55' – 14h00'	Cán bộ coi thi
6	Bắt đầu tính thời gian làm bài thi	7h30'	14h00;	Cán bộ coi thi
7	Thu bài thi (Kỹ năng Đọc viết, nghe hiểu)	9h35'	Ngay sau khi hoàn tất nhiệm vụ tại phòng thi	Cán bộ coi thi
8	Nộp bài thi, Biên bản phòng thi tại phòng Hội đồng	Ngay sau khi hoàn tất nhiệm vụ tại phòng thi		Cán bộ coi thi; và Ban thư ký
9	Họp tổng kết coi thi tại phòng Hội đồng	Ngay sau khi kết thúc các nhiệm vụ	Ngay sau khi kết thúc các nhiệm vụ	Chủ tịch HĐ

III. DANH SÁCH PHÒNG THI

(Xem danh sách phòng thi chi tiết đính kèm)



PGS.TS. Nguyễn Quang Hà

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ B1 - KHUNG CHÂU ÂU
PHÒNG THI: TA01

1. Thi: ĐỌC + VIẾT + NGHE HIỂU

Thời gian: 06h30' ngày 25/5/2019

Địa điểm: B5-206

Hình thức thi: Trắc nghiệm và tự luận

2. Thi: NÓI

Thời gian: 13h30 ngày 25/5/2019

Địa điểm: B5-206

Hình thức thi: Vấn đáp

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
1	1901	Hoàng Kim Anh	28/4/1993	Bắc Giang	
2	1902	Lê Ngọc Anh	22/8/1993	Bắc Giang	
3	1903	Phạm Ngọc Bích	09/10/1990	Bắc Giang	
4	1904	Nguyễn Thanh Bình	22/12/1976	Hà Nội	
5	1905	Ngô Thị Kim Cúc	26/12/1984	Bắc Giang	
6	1906	Nguyễn Hữu Điền	16/7/1982	Bắc Ninh	
7	1907	Phạm Tiến Diệp	19/02/1989	Hải Phòng	
8	1908	Ngô Quang Diệp	14/3/1982	Bắc Giang	
9	1909	Nguyễn Xuân Đông	04/4/1978	Bắc Giang	
10	1910	Nguyễn Minh Dũng	09/10/1993	Bắc Giang	
11	1911	Phùng Văn Được	06/02/1990	Bắc Giang	
12	1912	Thân Tuấn Dương	02/8/1989	Bắc Giang	
13	1913	Phạm Thị Thùy Dương	18/10/1991	Bắc Ninh	
14	1914	Vũ Thành Duy	18/12/1984	Lạng Sơn	
15	1915	Nguyễn Thị Duyên	09/9/1981	Bắc Giang	
16	1916	Trần Thị Ngọc Hân	01/3/1990	Quảng Ninh	
17	1917	Bạch Quang Hào	02/01/1973	Bắc Giang	
18	1918	Ngô Thị Hào	20/6/1981	Bắc Giang	
19	1919	Vũ Thị Thu Hiền	15/01/1979	Bắc Giang	
20	1920	Nguyễn Thị Thanh Hiền	03/12/1991	Bắc Ninh	
21	1921	Nguyễn Đức Hiện	01/11/1976	Bắc Ninh	
22	1922	Đỗ Thị Quỳnh Hoa	17/12/1988	Bắc Giang	
23	1989	Trần Văn Bằng	27/9/1990	Bắc Giang	
24	1990	Đỗ Quang Cảnh	31/8/1989	Bắc Giang	
25	1991	Nguyễn Đăng Dũng	21/10/1983	Phú Thọ	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 25

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI



TS. Nguyễn Tuấn Diệp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC
TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ B1 - KHUNG CHÂU ÂU
PHÒNG THI: TA02

1. Thi: ĐỌC + VIẾT + NGHE HIỂU

Thời gian: 06h30' ngày 25/5/2019

Địa điểm: B5-207

Hình thức thi: Trắc nghiệm và tự luận

2. Thi: NÓI

Thời gian: 13h30 ngày 25/5/2019

Địa điểm: B5-207

Hình thức thi: Vấn đáp

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
1	1923	Nguyễn Thị Hoa	22/3/1983	Bắc Giang	
2	1924	Trần Hạnh Hoa	18/01/1994	Quảng Ninh	
3	1925	Phạm Văn Hoàn	17/02/1980	Bắc Giang	
4	1926	Nguyễn Thị Hồng	30/12/1990	Bắc Giang	
5	1927	Thân Thị Hồng	20/9/1988	Bắc Giang	
6	1928	Trần Văn Huân	14/3/1975	Bắc Giang	
7	1929	Dương Văn Hùng	12/12/1976	Bắc Giang	
8	1930	Đinh Văn Hùng	07/5/1990	Quảng Ninh	
9	1931	Nguyễn Đình Hương	07/5/1974	Bắc Giang	
10	1932	Nguyễn Thị Hường	15/10/1981	Bắc Giang	
11	1933	Nguyễn Thị Hường	10/5/1981	Bắc Giang	
12	1934	Đào Văn Huy	11/10/1976	Quảng Ninh	
13	1935	Nguyễn Quang Huy	06/9/1979	Bắc Ninh	
14	1936	Vũ Trọng Huy	24/10/1987	Quảng Ninh	
15	1937	Vũ Thanh Huyền	20/12/1989	Quảng Ninh	
16	1938	Nguyễn Hồng Khánh	02/9/1982	Bắc Giang	
17	1939	Nguyễn Văn Khánh	10/8/1976	Bắc Giang	
18	1940	Hoàng Quốc Khánh	20/12/1989	Quảng Ninh	
19	1941	Hoàng Văn Khiển	02/4/1984	Bắc Giang	
20	1942	Lê Thị Kiểm	06/02/1982	Bắc Giang	
21	1943	Vũ Ngọc Kiên	02/9/1986	Bắc Giang	
22	1944	Hoàng Thị Khánh Linh	25/7/1993	Quảng Ninh	
23	1992	Nguyễn Văn Hậu	1/7/1982	Bắc Giang	
24	1993	Nguyễn Trung Hiếu	16/12/1986	Bắc Giang	
25	1994	Nguyễn Thị Thúy Minh	30/11/1975	Bắc Giang	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 25

K. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI



TS. Nguyễn Tuấn Điệp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC
TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ B1 - KHUNG CHÂU ÂU
PHÒNG THI: TA03

1. Thi: ĐỌC + VIẾT + NGHE HIỂU

Thời gian: 06h30' ngày 25/5/2019

Địa điểm: B5-201

Hình thức thi: Trắc nghiệm và tự luận

2. Thi: NÓI

Thời gian: 06h30 ngày 26/5/2019

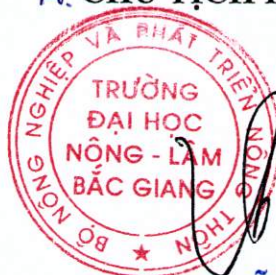
Địa điểm: B5-206

Hình thức thi: Vấn đáp

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
1	1945	Nguyễn Văn Lộc	26/10/1985	Bắc Giang	
2	1946	Trần Văn Luân	09/5/1981	Bắc Ninh	
3	1947	Nguyễn Thị Lý	02/03/1980	Bắc Giang	
4	1948	Trần Thị Ngọc Mai	17/12/1989	Quảng Ninh	
5	1949	Hoàng Văn Mạnh	22/02/1992	Bắc Giang	
6	1950	Dương Văn Mạnh	11/5/1984	Quảng Ninh	
7	1951	Trần Công Minh	14/8/1993	Bắc Giang	
8	1952	Nguyễn Ngọc Nam	01/12/1990	Bắc Giang	
9	1953	Nguyễn Thị Thanh Nga	10/10/1993	Bắc Giang	
10	1954	Nguyễn Thị Ngát	17/4/1988	Bắc Giang	
11	1955	Đinh Quang Nghĩa	27/6/1989	Bắc Giang	
12	1956	Đinh Thị Bích Ngọc	08/01/1987	Hải Phòng	
13	1957	Trần Công Nguyên	20/9/1974	Quảng Ninh	
14	1958	Doãn Phương Nhung	20/8/1984	Nam Định	
15	1959	Nguyễn Thị Nhung	24/3/1984	Bắc Giang	
16	1960	Nguyễn Thị Hồng Nhung	17/8/1989	Bắc Giang	
17	1961	Nguyễn Thị Nhung	24/3/1991	Nghệ An	
18	1962	Nghiêm Xuân Oanh	21/5/1990	Bắc Giang	
19	1963	Lưu Việt Thái Phú	10/6/1994	Quảng Ninh	
20	1964	Nguyễn Hồng Sơn	23/02/1991	Bắc Ninh	
21	1965	Nguyễn Trường Sơn	20/3/1982	Bắc Ninh	
22	1966	Nguyễn Trọng Tấn	30/12/1982	Bắc Giang	
23	1995	Nguyễn Thị Ninh	20/11/1980	Thanh Hóa	
24	1996	Nguyễn Thị Kim Oanh	26/10/1973	Bắc Giang	
25	1997	Trần Văn Tình	22/12/1977	Nam Định	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 25

K. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI



TS. Nguyễn Tuấn Điệp

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ B1- KHUNG CHÂU ÂU
PHÒNG THI: TA04

1. Thi: ĐỌC + VIẾT + NGHE HIỂU

Thời gian: 06h30' ngày 25/5/2019

Địa điểm: B5-204

Hình thức thi: Trắc nghiệm và tự luận

2. Thi: NÓI

Thời gian: 06h30 ngày 26/5/2019

Địa điểm: B-207

Hình thức thi: Vấn đáp

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
1	1967	Lương Văn Thắng	05/11/1977	Bắc Giang	
2	1968	Nguyễn Đức Thắng	29/8/1982	Bắc Giang	
3	1969	Nguyễn Thị Thanh Thanh	02/10/1992	Bắc Giang	
4	1970	Tổng Đức Thành	24/01/1989	Hà Bắc	
5	1971	Thân Phương Thảo	26/12/1991	Bắc Giang	
6	1972	Trần Thu Thảo	03/7/1989	Bắc Giang	
7	1973	Nguyễn Thị Thảo	17/9/1994	Bắc Ninh	
8	1974	Hoàng Văn Thịnh	08/12/1984	Bắc Giang	
9	1975	Đỗ Thị Thu	25/6/1985	Bắc Giang	
10	1976	Thân Văn Thường	25/10/1976	Bắc Giang	
11	1977	Đỗ Thị Thùy	02/11/1990	Bắc Ninh	
12	1978	Nguyễn Thu Thủy	27/7/1976	Hà Nội	
13	1979	Hoàng Đình Thủy	06/01/1977	Nghệ An	
14	1980	Phạm Đức Toàn	12/12/1993	Hà Bắc	
15	1981	Nịnh Văn Toàn	22/5/1985	Quảng Ninh	
16	1982	Đỗ Văn Trọng	22/12/1979	Bắc Giang	
17	1983	Hoàng Đình Trường	05/4/1990	Hải Dương	
18	1984	Nguyễn Xuân Tú	31/5/1982	Bắc Giang	
19	1985	Lê Thị Tuyên	04/02/1985	Bắc Giang	
20	1986	Ngô Văn Uyên	24/4/1974	Bắc Giang	
21	1987	Đào Xuân Vinh	03/01/1971	Bắc Giang	
22	1988	Lê Trung Xuân	11/10/1988	Quảng Ninh	
23	1998	Tiêu Văn Tùng	31/3/1987	Bắc Giang	
24	1999	Nguyễn Tiến Thành	17/6/1985	Bắc Giang	
25	2000	Phùng Mạnh Thắng	01/9/1974	Phú Thọ	
26	2001	Giáp Văn Tuấn	08/8/1981	Bắc Giang	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 26

ỦY CHỨC HỘI ĐỒNG THI



TS. Nguyễn Tuấn Điệp